

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG MÃ
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST
Ngày 10 tháng 9 năm 2020
V/v: Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Bá Toàn

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thành Vân

2. Ông Đinh Văn Kiên

- Thư ký phiên tòa:

Bà Hà Thị Điệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, Sơn La.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã tham gia phiên tòa:

Ông Trần Thanh Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Mã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình, thụ lý số 01/2019/TLST-DS ngày 02/12/2019 về việc xin ly hôn, theo quyết định xét xử số 19/2020/QĐXXST-DS ngày 28/8/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hà Thị H, sinh năm 1979; Nơi ĐKKHKT: Bản N, xã N, huyện S, tỉnh Sơn La. Trú tại: Bản N, xã N, huyện S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Lò Văn P, sinh năm 1972; Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Bản N, xã N, huyện S, tỉnh Sơn La. Có mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Sông Mã, Sơn La.

Người đại diện: Ông Phạm Việt C - Sinh năm 1985. Chức vụ: Phó giám đốc Chi nhánh huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện sửa chữa, bổ sung và quá trình tố tụng tại Tòa án chị Hà Thị H trình bày:

Chị và anh Lò Văn P kết hôn với nhau từ năm 2001 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nà Nhị, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Trong quá trình chung sống vợ chồng chỉ sống hạnh phúc được một năm sau đó phát

sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh P yêu cầu chị phải lập sổ thu chi chi tiết hằng ngày nhưng chị không làm. Từ đó hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, anh P thường xuyên chửi bới chị một cách thậm tệ và đánh đập chị (một tháng 2-3 lần), do không chịu được tính cách của anh P đến tháng 12/2018 chị và 3 con đã bỏ về bản N, xã N sống ly thân đến nay. Nay chị thấy cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn được, nên đã làm đơn xin ly hôn. Chị đề nghị Toà án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn.

* Về con chung: Qua thời gian chung sống vợ chồng chị có 03 con chung là Lò Hà Khánh H sinh ngày 25/4/2002, Lò Hà Diễm H sinh ngày 14/5/2006, Lò Hà Bảo P sinh ngày 28/6/2008. Hiện cả 3 con đang sống với chị. Khi ly hôn chị tùy thuộc vào nguyện vọng của các con, các con ở với ai chị cũng nhất trí, nếu ở với chị, chị cũng không yêu cầu anh P cấp dưỡng. Đến thời điểm hiện nay cháu Lò Hà Khánh H đã đủ 18 tuổi, nên chị không đề nghị Toà án giải quyết về người trực tiếp nuôi con. Ngoài ra, ngoài 3 con chung của chị và anh P, anh P còn có một con riêng là Lò Hà Bảo T, sinh ngày 25/7/1997 hiện nay cháu đang ở với anh P, do đã trưởng thành nên cũng không đề nghị giải quyết về người trực tiếp nuôi con.

* Về tài sản chung: Quá trình chung sống gia đình chị có một số tài sản chung như sau:

- Về đất: Có 04 thửa đất.

+ Thửa thứ nhất: Vị trí đất tại bản Nà Tòng, xã Nậm Ty, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ Thửa thứ hai: Vị trí đất tại bản Nà Tòng, xã Nậm Ty, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ Thửa thứ ba: Vị trí đất tại bản Nà Tòng, xã Nậm Ty, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ Thửa thứ tư: Vị trí đất tại bản Nà Tòng, xã Nậm Ty, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Đất đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 298113, do Ủy ban nhân dân huyện Sông Mã cấp ngày 19/3/2000.

Nguồn gốc của tài sản này là do bố mẹ anh Phái cho và anh Phái có trước thời kỳ kết hôn.

- Về tài sản trên đất:

+ 01 nhà 04 tầng, 01 nhà cấp IV và 01 nhà gồm có 06 cột bê tông, mái lợp tôn, không có tường bao, được xây dựng trên thửa đất thứ nhất, tổng trị giá khoảng 2.000.000.000đ.

+ 01 nhà kho được xây dựng trên thửa đất thứ hai có giá trị khoảng 130.000.000đ.

- Về tài sản khác:

+ 01 chiếc xe ô tô tải 2,5 tấn giá trị khoảng 180.000.000đ.

+ 02 xe máy trị giá khoảng 30.000.000đ.

+ Ngoài ra là đồ dùng phục vụ cho sinh hoạt hằng ngày.

Nguồn gốc của số tài sản này là do vợ chồng tạo dựng nên trong thời kỳ hôn nhân.

* Về nợ chung: Gia đình còn một khoản nợ 500.000.000đ tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Sông Mã, Sơn La.

* Về các khoản nợ đối với gia đình: Hiện nay còn một số bà con có nợ tiền hàng gia đình nhưng cụ thể bao nhiêu bản thân không nắm được (vì trước đây việc quản lý tiền của gia đình đều do anh Phái quản lý).

Về tài sản chung và nợ chung chị đề nghị giải quyết như sau: Giao lại toàn bộ tài sản cho anh P quản lý, sử dụng (kể cả khoản nợ của bà con), anh P có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số nợ cho Ngân hàng.

Theo biên bản hoà giải ngày 25/12/2019 anh Lò Văn P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Theo lời khai của chị H là đúng, anh và chị H có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nà Nhieu trên cơ sở nguyện. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn chị H đã tự ý bỏ đi.

- Về con chung: Theo lời khai của chị H là đúng.

- Về tài sản chung: Anh P không khai về tài sản.

- Về nợ chung: Anh P chỉ khai về khoản nợ Ngân hàng là 500.000.000đ.

Đối với những đề nghị của chị H, anh P có ý kiến như sau: Anh không nhất trí ly hôn, tuy nhiên nếu chị H nhất quyết ly hôn thì anh nhất trí, với điều kiện chị H không được phép chuyển trường cho đến khi anh trả hết nợ, hoặc chị H phải trả anh số tiền 700.000.000đ. Ngoài ra anh yêu cầu chị H phải đưa toàn bộ sổ sách ghi chép nợ cho anh để anh thanh toán nợ, nếu chị H không giao sổ ghi chép anh sẽ không thanh toán được số tiền đã thỏa thuận trả ngân hàng là 60 triệu đồng một quý, mà chỉ cam kết trả nợ bằng toàn bộ tiền lương, phụ cấp hàng tháng.

Tại phiên toà khi được Hội đồng xét xử yêu cầu trình bày về mối quan hệ hôn nhân, con chung, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, việc nợ của bà con nhân dân trong quá trình làm ăn kinh doanh của gia đình, anh P không hợp tác, không trình bày; Hội đồng xét xử tiến hành hỏi thì anh chỉ trả là " Không biết" và tỏ thái

độ hăm dọa, thách thức. Anh Lò Văn P chỉ thừa nhận có khoản tiền vay tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Sông Mã, Sơn La là 500.000.000đ.

Theo biên bản hoà giải ngày 25/12/2019 và tại phiên toà, anh Phạm Việt C là đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Sông Mã, Sơn La trình bày:

Vào tháng 5/2018 gia đình anh chị Lò Văn P, Hà Thị H có vay tiền tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Sông Mã, Sơn La số tiền 500.000.000đ, Hợp đồng tín dụng số 01/2018/HĐTD, mã KH 7907-158 895 503, khi vợ chồng anh P, chị H có mâu thuẫn, Ngân hàng đã đến làm việc với vợ chồng anh P chị H, qua quá trình làm việc nhiều lần anh P luôn có thái độ không hợp tác, thách thức, đe dọa cán bộ đến làm việc. Đơn vị phải nhờ sự can thiệp của Chính quyền địa phương mới tiếp cận được với anh P. Tại buổi làm việc anh P đã nhất trí với phương án nhận trả nợ bằng toàn bộ tiền lương, ngoài ra còn trả thêm từ các khoản thu khác 60 triệu đồng một quý, tuy nhiên đến thời điểm hiện nay anh P vẫn không thực hiện như cam kết. Tổng dư nợ tính đến ngày 10/9/2020 là 499.980.000đ tiền gốc và lãi phát sinh là 56.984.022đ. Nay đề nghị Toà án tuyên buộc các đương sự thanh toán khoản nợ cho đơn vị. Trong trường hợp tài sản được giao cho một bên thì bên được nhận tài sản phải có trách nhiệm thanh toán.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ thời điểm thụ lý vụ án đến trước khi xét xử thẩm phán, thư ký đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng; Quá trình xét xử Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo quy định của Pháp luật và các thủ tục. Nguyên đơn, người có quyền lợi liên quan đã chấp hành đúng quy định của pháp luật từ thời điểm thụ lý vụ án đến khi xét xử; bị đơn có thái độ không hợp tác, luôn cản trở cơ quan tiến hành tố tụng khi giải quyết vụ án, đã bị lập biên bản về hành vi cản trở.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Hà Thị H ly hôn anh Lò Văn P.
- Về con chung: Giao hai con chung là Lò Hà Diễm H và Lò Hà Bảo P cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu của chị H giao toàn bộ tài sản chung cho anh P quản lý.
- Về nợ chung: Anh Lò Văn P có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số nợ tại Ngân hàng.
- Về án phí: Chị Hà Thị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền, tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều có hộ khẩu thường trú và trú tại huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La; Quan hệ pháp luật là vụ án xin ly hôn, do vậy Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La thụ lý, giải quyết là đảm bảo theo quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị H và anh Lò Văn P kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nà Nghịu, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La, căn cứ khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, xác định quan hệ hôn nhân của anh chị là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm anh chị đã sống ly thân với nhau từ năm 2018, hiện nay không còn quan tâm tới cuộc sống của nhau. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú của anh chị cũng xác định được trong cuộc sống anh chị có sự mâu thuẫn do quan điểm sống khác nhau, chị H và 3 con cũng đã bỏ đi không sống cùng anh P nữa. Căn cứ vào Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy tình trạng hôn nhân của anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc quyết định cho anh chị ly hôn là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Hội đồng xét xử xét thấy việc chị H không đề nghị giải quyết về việc người trực tiếp nuôi con chung Lò Hà Khánh H và con riêng của anh P là Lò Hà Bảo T là phù hợp vì hiện nay các cháu đã đều trưởng thành. Đối với hai cháu Lò Hà Diễm H và Lò Hà Bảo P đang sinh sống cùng chị H, mặt khác các cháu đều có nguyện vọng được ở cùng chị H, việc giao hai cháu cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các cháu và phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con, do chị H không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng, nên không phải xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung:

Tài liệu trong hồ sơ và lời khai tại phiên tòa chị Hà Thị H đã khai nhận toàn bộ số tài sản chung của gia đình, khoản nợ của gia đình đối với Ngân hàng, nợ của bà con nhân dân đối với gia đình chị (chị chỉ biết có nợ tiền hàng, số nợ và con người cụ thể thì không nắm được). Chị Hà Thị H cũng đề nghị giao lại toàn

bộ tài sản cho anh P quản lý, sử dụng, anh P có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số nợ cho Ngân hàng.

Tài liệu trong hồ sơ và lời khai tại phiên toà anh Lò Văn P thừa nhận gia đình anh còn một khoản vay tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Sông Mã, Sơn La, là 500.000.000đ; ngoài ra anh P không thông tin về tài sản chung và việc nợ của những người khác đối với gia đình anh.

Hội đồng xét xử xét thấy như sau: Quá trình giải quyết vụ án mặc dù Toà án đã thực hiện các thủ tục để yêu cầu anh P cung cấp thông tin liên quan đến tài sản chung, nợ chung và các khoản nợ của người dân đối với gia đình anh, tuy nhiên anh Lò Văn P vẫn không hợp tác cung cấp những tài liệu theo yêu cầu của Toà án. Toà án đã thực hiện việc xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản chung, quá trình tiến hành anh P không hợp tác và luôn có hành vi đe dọa đến tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm của những người thực hiện nhiệm vụ; đến khi phải có sự can thiệp mạnh của chính quyền địa phương, đặc biệt là lực lượng công an chính quy Toà án mới thực hiện được việc xem xét, thẩm định tại chỗ.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ đã xác định được tài sản như sau:

I. Về đất: Gồm có 04 thửa đất cụ thể như sau:

1. Thửa thứ nhất: Đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vị trí tại bản Nà Tông, xã Nậm Ty, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

Tổng diện tích đất là 2893,8m²

Có các mặt tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc giáp suối Nậm Ty, kích thước 91 m
- Phía Tây giáp đất ông Lò Văn Muôn, kích thước 31,8m
- Phía Đông giáp đất ông Thịnh, kích thước 31,8m
- Phía Nam giáp đường tỉnh lộ 113, kích thước 91m

2. Thửa thứ hai: Đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vị trí tại bản Nà Tông, xã Nậm Ty, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

Tổng diện tích đất là 373,7m²

Có các mặt tiếp giáp như sau:

- Phía Đông giáp suối Huổi Phạt, kích thước 27,3m
- Phía Nam giáp đất ông Lò Văn Phương, kích thước 22,8 m
- Phía Bắc giáp đường tỉnh lộ 113, kích thước 21m
- Phía Tây giáp đất ông Lò Văn Muôn, kích thước 13,10m

3. Thửa thứ ba: Đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vị trí tại bản Nà Tông, xã Nậm Ty, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

Tổng diện tích đất là 767,3m²

Có các mặt tiếp giáp như sau:

- Phía Đông giáp đất bà Phạm Thị Thêu, kích thước 09m
- Phía Nam giáp đất ông Lò Văn Pán, kích thước 45m
- Phía Bắc giáp đường tỉnh lộ 113, kích thước 35,7m²
- Phía tây giáp suối Huổi Phạt, kích thước 32 m

4. *Thửa thứ 4*: Vị trí đất tại bản Nà Tòng, xã Nậm Ty, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Đất đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 298113, do Ủy ban nhân dân huyện Sông Mã cấp ngày 19/3/2000.

Tổng diện tích đất là:

Đất vườn: 3.667m².

Đất thổ cư: 400 m²

Có sơ đồ tổng thể giao đất của bản Nà Tòng kèm theo.

II. Tài sản trên đất:

1. Tài sản trên thửa đất thứ nhất:

1.1. Một nhà xây 04 tầng:

- Chiều rộng (giáp đường 113), kích thước 15,1m
- Chiều sâu, kích thước 21 m

Nhà xây tường 10, có tổng cộng 28 phòng.

1. 2. Một nhà xây cấp IV (được nối liền với nhà xây 04 tầng):

- Chiều rộng (giáp đường 113), kích thước 15,2m;
- Chiều sâu, kích thước 21m

Có mái lợp tôn.

1.3. Một nhà gồm sáu cột bê tông:

Một chiều dài 12m, một chiều dài 15m.

Đặc điểm: không có tường bao, mái lợp tôn, bên dưới nền là đất.

2. Tài sản trên thửa đất thứ ba: 01 nhà kho

- Chiều rộng (giáp đường 113), kích thước 14,7m
- Chiều sâu, kích thước 4m

III. Về tài sản khác:

- 01 chiếc xe mô tô màu trắng biển kiểm soát 26-C1 060.97.
- 01 chiếc xe mô tô màu đỏ có biển kiểm soát 26- H1 7948.

- Theo chị H khai thì gia đình chị còn có 01 chiếc xe ô tô tải 2,5 tấn, tại thời điểm xem xét, thẩm định tài sản này không còn (chị H cho rằng anh P đã bán).

- Ngoài ra theo chị H khai gia đình còn một số tài sản khác phục vụ cho sinh hoạt gia đình (tuy nhiên do anh P ngăn cản nên không thể tiếp cận xem xét được những tài sản này).

Quá trình giải quyết vụ án thấy chị Hà Thị H đề nghị giao lại toàn bộ số tài sản này cho anh Lò Văn P quản lý, sử dụng và anh P có trách nhiệm thanh toán số nợ cho Ngân hàng. Toà án nhận thấy trong vụ án này các đương sự không có sự tranh chấp về tài sản, nguyên đơn tự nguyện giao lại toàn bộ tài sản cho bị đơn, do không có tranh chấp về tài sản, nên Toà án xác định không cần phải định giá tài sản, chỉ cần căn cứ vào tài liệu xem xét, thẩm định tại chỗ để giao tài sản cho anh Lò Văn P là đảm bảo theo quy định.

Về tài sản và nợ chung, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Hà Thị H tự nguyện giao lại toàn bộ tài sản chung cho anh P quản lý sử dụng, anh Lò Văn P không có ý kiến khác về vấn đề này, do vậy cần chấp nhận theo sự tự nguyện của chị H.

Đối với khoản nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Sông Mã, Sơn La, theo Hợp đồng tín dụng số 01/2018/HĐTD, mã KH 7907-158 895 503 ngày 22/5/2018, do anh Phái được nhận toàn bộ tài sản chung của anh chị, trong đó có thửa đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 298113, do Ủy ban nhân dân huyện Sông Mã cấp ngày 19/3/2000 và ngôi nhà 4 tầng là tài sản anh chị làm tài sản đảm bảo vay tiền, nên cần buộc anh Lò Văn P có trách nhiệm thanh toán khoản nợ này.

Đối với các khoản nợ tiền hàng của người dân đối với gia đình, do chị H khai không nắm bắt được, anh P cũng không cung cấp thông tin với Toà án, nên không có cơ sở giải quyết. Ngoài ra ngày 07/9/2020 con trai anh P là cháu Lò Hà Bảo T có nộp cho Toà án một số tài liệu là bản foto trong đó có một tài liệu thể hiện anh Bùi Anh T, trú tại bản Lê Hồng Phong, xã Nà Nghịu, huyện Sông Mã có vay của gia đình anh số tiền 68.500.000đ, Bùi Anh T đã trả cho chị Hà Thị H 5.000.000đ - Toà án đã tiến hành xác minh đối với chị H, chị H cho biết chị không biết việc anh P cho anh T vay tiền và cũng không nhận tiền của anh T; xác minh tại bản Lê Hồng Phong thì tại đây không có ai là Bùi Anh T. Mặt khác tại phiên toà anh P cũng không trình bày và không có đề nghị gì về vấn đề này, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

Đối với yêu cầu của anh P tại phiên hoà giải, về việc yêu cầu chị H phải trả anh số tiền 700.000.000đ, xét thấy yêu cầu của anh P là không có cơ sở chấp nhận, mặt khác tại phiên toà anh P cũng không có ý kiến về vấn đề này, như vậy

xác định anh P đã từ bỏ yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét (do không xem xét nên anh P không phải chịu án phí về yêu cầu này).

Đối với yêu cầu của anh P về yêu cầu chị H giao lại toàn bộ sổ sách ghi nợ, xét thấy trước khi xét xử và tại phiên toà, Toà án đã yêu cầu các đương sự cung cấp các chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, chị H cho rằng trong quá trình chung sống anh P là người quản lý việc kinh doanh của gia đình, hiện nay chị không giữ cuốn sổ ghi nợ nào. Anh P không cung cấp cho Toà án chứng cứ chứng minh, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

[5] Về án phí: Chị Hà Thị H là nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí xin ly hôn.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 57, 58, 59, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận khởi kiện xin ly hôn của chị Hà Thị H đối với anh Lò Văn P.

Xử cho chị Hà Thị H được ly hôn anh Lò Văn P.

2. Về con chung: Giao cháu Lò Hà Diễm H sinh ngày 14/5/2006, Lò Hà Bảo P sinh ngày 28/6/2008 cho chị Hà Thị H trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh Lò Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Hà Thị H. Anh Lò Văn P có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, không được ai cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Giao cho anh Lò Văn P các tài sản sau:

I. Tài sản là đất: Giao cho anh Lò Văn P quản lý, sử dụng 01 thửa đất đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 298113; Tạm giao cho anh Lò Văn P quản lý, sử dụng 03 thửa đất chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, anh Lò Văn P phải tuân thủ các quy định về quản lý đất đai của Nhà nước.

Gồm các thửa đất như sau:

1. Thừa thứ nhất: Đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vị trí tại bản Nà Tòng, xã Nậm Ty, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

Tổng diện tích đất là $2893,8\text{m}^2$

Có các mặt tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc giáp suối Nậm Ty, kích thước 91 m
- Phía Tây giáp đất ông Lò Văn Muôn, kích thước 31,8m
- Phía Đông giáp đất ông Thịnh, kích thước 31,8m
- Phía Nam giáp đường tỉnh lộ 113, kích thước 91m

(Có sơ đồ đất kèm theo).

2. Thừa thứ hai: Đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vị trí tại bản Nà Tòng, xã Nậm Ty, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

Tổng diện tích đất là $373,7\text{m}^2$

Có các mặt tiếp giáp như sau:

- Phía Đông giáp suối Huổi Phạt, kích thước 27,3m
- Phía Nam giáp đất ông Lò Văn Phương, kích thước 22,8 m
- Phía Bắc giáp đường tỉnh lộ 113, kích thước 21m
- Phía Tây giáp đất ông Lò Văn Muôn, kích thước 13,10m

(Có sơ đồ đất kèm theo).

3. Thừa thứ ba: Đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vị trí tại bản Nà Tòng, xã Nậm Ty, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

Tổng diện tích đất là $767,3\text{m}^2$

Có các mặt tiếp giáp như sau:

- Phía Đông giáp đất bà Phạm Thị Thêu, kích thước 09m

Phía Nam giáp đất ông Lò Văn Pản, kích thước 45m

Phía Bắc giáp đường tỉnh lộ 113, kích thước $35,7\text{m}^2$

Phía tây giáp suối Huổi Phạt, kích thước 32 m

(Có sơ đồ đất kèm theo).

4. Thừa thứ 4: Vị trí đất tại bản Nà Tòng, xã Nậm Ty, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Đất đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 298113, do Ủy ban nhân dân huyện Sông Mã cấp ngày 19/3/2000.

Tổng diện tích đất là:

Đất vườn: 3.667m^2

Đất thổ cư: 400 m²

(Có sơ đồ đất và sơ đồ tổng thể giao đất của bản Nà Tông kèm theo)

II. Tài sản trên đất:

1. Tài sản trên thửa đất thứ nhất:

1.1. Một nhà xây 04 tầng:

- Chiều rộng (giáp đường 113), kích thước 15,1m

- Chiều sâu, kích thước 21 m

Nhà xây tường 10, có tổng cộng 28 phòng.

1. 2. Một nhà xây cấp IV (được nối liền với nhà xây 04 tầng)

- Chiều rộng (giáp đường 113), kích thước 15,2m;

- Chiều sâu, kích thước 21m

Có mái lợp tôn.

1.3. Một nhà gồm sáu cột bê tông:

Một chiều dài 12m, một chiều dài 15m.

Đặc điểm: không có tường bao, mái lợp tôn, bên dưới nền là đất.

2. Tài sản trên thửa đất thứ ba: 01 nhà kho

- Chiều rộng (giáp đường 113), kích thước 14,7m

- Chiều sâu, kích thước 4m

III. Về tài sản khác:

- 01 chiếc xe mô tô màu trắng biển kiểm soát 26-C1 060.97.

- 01 chiếc xe mô tô màu đỏ có biển kiểm soát 26- H1 7948.

- Ngoài ra là một số tài sản khác phục vụ cho sinh hoạt gia đình.

4. Về nợ chung: Buộc anh Lò Văn P có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Sông Mã, Sơn La số tiền nợ gốc là 499.980.000đ (bốn trăm chín mươi chín triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng) và tiền lãi phát sinh - Theo Hợp đồng tín dụng số 01/2018/HĐTD, mã KH 7907-158 895 503 ngày 22/5/2018.

5. Về án phí: Chị Hà Thị H phải chịu án phí là 300.000đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai số AA/2016/0004513 ngày 02/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Chị Hà Thị H đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 10/9/2020).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 26 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Toà án ND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- CCTHADS huyện;
- UBND xã Nà Nghịu;
- Các đương sự;
- Người có qlq;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Bá Toàn